

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/KDTM-ST
Ngày: 11/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây

Ông Nguyễn Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 97/2024/TLST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: Số E tổ A, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993; bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 2000; cùng địa chỉ liên hệ: Số A đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 03/GUQ/2024 ngày 15/5/2024). Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH P; địa chỉ: Thửa đất số 1001/1139, tờ bản đồ số 7 và A, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Bé D1 – chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2024; bản tự khai; bản trình bày ý kiến đề ngày 10/9/2024; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có mối quan hệ đối tác làm ăn, buôn bán với Công ty TNHH P (sau gọi tắt là Công ty P).

Trong năm 2019 và 2020, Công ty T có bán hàng là các sản phẩm ván lạng gỗ cho bên mua là Công ty P. Việc mua bán không ký hợp đồng, bên bán căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Công ty T sẽ cung cấp hàng hóa cho Công ty P và Công ty P có nghĩa vụ thanh toán dựa trên các phiếu giao hàng và các hóa đơn tài chính kèm theo.

Khi giao hàng, Công ty T đều có phiếu giao hàng và sau đó xuất các hóa đơn tài chính như thỏa thuận của hai bên cũng như theo quy định tại Điều 34 Luật Thương mại năm 2005. Từ thời điểm đặt hàng, giao hàng đến nay Công ty P không có bất cứ khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty T như đã thỏa thuận. Công ty T đã xuất 07 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty P như sau:

- Hóa đơn số 0000031 ngày 25/9/2019 với số tiền 232.436.459 đồng;
- Hóa đơn số 0000044 ngày 29/10/2019 với số tiền 99.493.136 đồng;
- Hóa đơn số 0000055 ngày 25/11/2019 với số tiền 75.809.097 đồng;
- Hóa đơn số 0000077 ngày 27/12/2019 với số tiền 157.445.055 đồng;
- Hóa đơn số 0000102 ngày 25/02/2020 với số tiền 5.733.233 đồng;
- Hóa đơn số 0000110 ngày 28/3/2020 với số tiền 6.191.551 đồng;
- Hóa đơn số 0000121 ngày 28/5/2020 với số tiền 4.461.023 đồng;

Tổng số tiền là 581.569.554 đồng. Tính đến ngày 28/9/2022, Công ty T còn nợ Công ty P là 499.133.093 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ năm 2019-2022.

Việc Công ty P không thanh toán tiền hàng còn nợ đúng thời hạn là ảnh hưởng đến quyền lợi và hoạt động kinh doanh của Công ty H. Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty T số tiền hàng còn nợ là 499.133.093 đồng và lãi suất là 1%/tháng trên số tiền còn nợ nêu trên tạm tính từ ngày 28/9/2022 đến ngày 28/5/2024 (20 tháng) là 99.826.618 đồng, tổng cộng là 598.959.712 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 10/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện là buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 616.096.614 đồng, bao gồm các khoản sau:

- Tiền hàng còn nợ là: 499.133.093 đồng;

- Lãi suất từ ngày 28/9/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 11/9/2024 (23 tháng 13 ngày) với mức lãi suất là 1%/tháng trên tổng số tiền còn nợ là: $499.133.093 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} = 116.963.521 \text{ đồng}$.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) yêu cầu Công ty TNHH P (sau gọi tắt là Công ty P) phải trả tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty P có trụ sở tại thửa đất số 1001/1139, tờ bản đồ số 7 và A, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Công ty T cho rằng có thỏa thuận bán các sản phẩm ván lạng gỗ cho Công ty P với tổng giá trị tiền hàng là 581.569.554 đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT). Việc mua bán hai bên không ký kết hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, khi giao hàng cho bên mua, bên bán lập phiếu xuất hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng. Nguyên đơn đã giao 11 đợt hàng cho bị đơn đồng

thời xuất 07 hóa đơn giá trị gia tăng số số 0000031 ngày 25/9/2019, 0000044 ngày 29/10/2019; 0000055 ngày 25/11/2019; 0000077 ngày 27/12/2019; 0000102 ngày 25/02/2020; 0000110 ngày 28/3/2020 và 0000121 ngày 28/5/2020. Quá trình thanh toán, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 82.436.461 đồng, đến nay bị đơn vẫn không thanh toán số tiền nợ còn lại nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền chậm thanh toán của khoản nợ còn lại dựa trên lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 28/9/2022 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm 11/9/2024 (23 tháng 13 ngày).

[2] Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét. Việc mua bán hàng hoá không thoả thuận bằng hợp đồng nhưng căn cứ vào phiếu xuất hàng và hoá đơn giá trị gia tăng đối với từng đợt nhận hàng có cơ sở xác định số tiền bán hàng nguyên đơn trình bày phù hợp với các loại hàng hóa, giá cả, loại hàng hoá mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn. Ngày 04/10/2022, đại diện Công ty T và Công ty P đã ký xác nhận số tiền công nợ còn thiếu tính đến ngày 28/9/2022 là 499.133.093 đồng. Do đó, có cơ sở xác định, việc thoả thuận mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Xét thấy, giao dịch mua bán hàng hóa được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên tham gia giao dịch. Bên bán đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng hóa, bên mua đã nhận được hàng nhưng không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán hàng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả: Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 10/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 1%/tháng. Xét, yêu cầu về mức lãi suất của nguyên đơn thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi suất tính từ ngày 28/9/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (11/9/2024) trên số nợ gốc tại Bảng đối chiếu công nợ năm 2019-2022 là phù hợp với qui định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy, bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tiền mua hàng còn nợ và lãi suất chậm thanh toán bao gồm các khoản tiền như sau:

- Số tiền mua hàng còn nợ còn nợ là: 499.133.093 đồng.

- Tiền lãi suất chậm thanh toán là: 499.133.093 đồng x 1%/tháng x 23 tháng 13 ngày = 116.963.521 đồng.

Tổng cộng là 616.096.614 đồng.

[5] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp.

[6] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 36; Điều 92; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 27, 50, 306 Luật Thương mại;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH P như sau:

Buộc bị đơn Công ty TNHH P1 cho nguyên đơn Công ty TNHH T các khoản tiền sau:

- Số tiền mua hàng còn nợ là 499.133.093 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu một trăm ba mươi ba nghìn không trăm chín mươi ba đồng);

- Tiền lãi chậm trả là 116.963.521 đồng (Một trăm mười sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Tổng cộng là 616.096.614 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự

2. Về án phí:

- Nguyên đơn Công ty TNHH T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền 13.797.194 đồng (Mười ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bốn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001511 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn Công ty TNHH P phải chịu 28.643.865 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Tâm